

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 24-4-2025
V/v “Tranh chấp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm: 1948

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1975

2.2 Ông Đỗ Văn D, sinh năm: 1971

Cùng địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Ông T có tham gia 02 dây hội do bà T1, ông D là đầu thảo (chủ hội) như sau:

Dây hội mở ngày 10-12-2017 (âm lịch), có 19 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 01 năm mở hội 03 lần (mở theo mùa lúa), ông T tham gia 01 phần, đã đóng hội được 18 kỳ (mỗi kỳ 5.000.000 đồng). Đến kỳ thứ 19 là mãn hội, nhưng bà T1, ông D tuyên bố bế hội và không trả tiền hội cho ông T.

Dây hội mở ngày 06-7-2020 (âm lịch), có 18 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, 01 năm mở hội 03 lần (mở theo mùa lúa), ông T tham gia 01 phần, đã đóng hội được 10 kỳ (mỗi kỳ 5.000.000 đồng). Sau đó bà T1, ông D tuyên bố bỏ hội và không trả tiền hội lại cho ông T.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông D liên đới trả tiền hội là 140.000.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D liên đới trả tiền hội theo thỏa thuận góp hội được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hội” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T:

Ông Trọng cung C cho Tòa án 02 tờ danh sách hội tương ứng với 02 dây hội khởi kiện, nội dung danh sách hội thể hiện số hội viên, ngày mở hội, ngoài ra tại tên một số hội viên (đã hốt hội) có ghi số tiền hốt hội và số kỳ hốt hội.

Bà T1, ông D đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nên bà T1, ông D đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp nhưng bà T1, ông D không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của ông T và các danh sách hội là đúng sự thật và Hội đồng xét xử xác định các thông tin như chủ hội, ngày mở hội, số tiền hội mỗi dây, số hội viên, số kỳ hội đã đóng như nguyên đơn đã trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng sự thật.

Như vậy, ông T đã đóng tiền hội 02 dây cụ thể: Hội mở ngày 10-12-2017 âm lịch đã đóng 18 kỳ (mỗi kỳ 5.000.000 đồng); Hội mở ngày 06-7-2020 âm lịch đã đóng 10 kỳ (mỗi kỳ 5.000.000 đồng). Bà T1, ông D đã tuyên bố bãi hội nên theo thỏa thuận, bà T1, ông D là chủ hội nên phải có nghĩa vụ trả lại tiền hội cho ông T với tổng số tiền là 140.000.000 đồng (90.000.000 đồng của dây hội mở ngày 10-12-2017 âm lịch + 50.000.000 đồng của dây hội mở ngày 06-7-2020 âm lịch).

Ông T khởi kiện yêu cầu bà T1, ông D liên đới trả số tiền hội 140.000.000 đồng là phù hợp theo thỏa thuận, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí:

Bà T1, ông D có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.000.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận).

Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D, về việc yêu cầu trả tiền hội.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn T số tiền hội là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D có nghĩa vụ liên đới chịu án dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đỗ Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng